UBND XÃ VĨNH HẢI
TRƯỜNG THCS ĐỒNG MINH

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2025-2026

Được quét bằng CamScanner

UBND XÃ VĨNH HẢI
TRƯỜNG THCS ĐÔNG MINH
Số: 01 /KHGD-NTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Vĩnh Hải, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Giáo dục nhà trường năm học 2025-2026
(Chủ đề: "Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển")

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, ngày 16/6/2025; của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD-ĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/7/2025 của Bộ GD-ĐT quy định về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD-ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng VH-XH thuộc UBND xã, phương, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực GD-ĐT;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD-ĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD-ĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD-ĐT;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ GD-ĐT về ban hành điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số: 09/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/3/2021, của Bộ GD-ĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT;

Được quét bằng CamScanner

Căn cứ công văn số: 5555/BGDĐT, ngày 08/10/2014, của Bộ GD-ĐT về hướng dẫn SHCM về đổi mới PPDH và kiểm tra, đánh giá, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn của trường trung học, TTGDTX qua mạng;

Căn cứ công văn số: 4555/BGDĐT-GDPT, ngày 05/8/2025, của Bộ GD-ĐT về hướng dẫn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDPT năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số: 4567/BGDĐT-GDPT, ngày 05/8/2025, của Bộ GD-ĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH, ngày 27/8/2020 của Bộ GD-ĐT về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT;

Căn cứ công văn 5512/BGDĐT-GDTrH, ngày 18/12/2020 của Bộ GD-ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT, ngày 11/8/2025 của Bộ GD-ĐT ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với GDMN, GDPT và GDTX;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND, ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với GDMN, GDPT và GDTX trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số: 5575/SGD ĐT-GDTrH, ngày 20/8/2025 của Sở GD-ĐT HP về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GD trung học năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số: 5576/SGD ĐT-GDTrH, ngày 20/8/2025 của Sở GD-ĐT HP về Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình GD trung học năm học 2025-2026;

Căn cứ báo cáo số 49/BC-UBND, ngày 21/8/2025 của UBND xã Vĩnh Hải về tổng kết năm học 2024-2025, triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ các công văn của Sở GD-ĐT Hải Phòng và UBND xã Vĩnh Hải về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả năm học 2024-2025 và tình hình thực tế của nhà trường; Trường THCS Đồng Minh xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

1. Bối cảnh của nhà trường

Trường THCS Đồng Minh (Vĩ độ bắc: $20^0$39'- Kinh độ đông: $106^0$29') đặt trên địa bàn xã Vĩnh Hải, thành phố Hải Phòng, đây là một xã đa phần làm nông nghiệp, có diện tích 32,21 km^2, dân số: 37.574 người (được sáp nhập từ 6 xã cũ mà thành, gồm: Đồng Minh, Hưng Nhân, Tiền Phong, Vĩnh Phong, Cộng Hiền). Bốn phía của xã Vĩnh Hải tiếp giáp với các xã: Vĩnh Am, Vĩnh Bảo, Vình Hòa và Tỉnh Thái Bình. Trường THCS Đồng Minh tiền thân là trường cấp 2 Đồng Minh được thành lập từ 8/1963, Năm 1976 sát nhập trường cấp 1 Đồng Minh và trường cấp 2 Đồng Minh thành trường PTCS Đồng Minh, từ năm 1994 đến nay được chia tách thành trường THCS Đồng Minh. Trường được công nhận đạt CQG MĐ1 năm 2021-2022; Năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025 liên tục đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" và Bằng khen của UBND thành phố Hải Phòng.

Được quét bằng CamScanner

1.1. Các yếu tố bên trong

1.1.1. Thời cơ, thuận lợi

- Cơ cấu tổ chức bộ máy; biên chế lớp/số học sinh của nhà trường:

+ Đảm bảo đúng số lượng chất lượng bộ máy, biên chế được giao theo hạng trường, cụ thể:

+ Tổng số CBGVNV: 24 (Tính cả BV), trong đó GV: 20 đ/c, Tỷ lệ: 1,7 giáo viên/lớp (thiếu 02 GV + 01 TPT + 02 NV gồm: NV thư viện, NV kế toán văn thư).

+ Về trình độ chuyên môn: 100% GV đạt chuẩn và trên chuẩn. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhiệt tình trong công tác; có tinh thần tự giác học tập nâng cao về trình độ chuyên môn.

+ Chỉ tiêu huy động và tuyển sinh năm học 2025-2026 như sau:

STT	KHỐI LỚP	SỐ LỚP	SỐ HỌC SINH	GHI CHÚ
1	**6**	**3**	**128**	
2	**7**	**2**	**104**	
3	**8**	**3**	**146**	
4	**9**	**3**	**112**	
TỔNG		**11**	**490**	

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

+ Khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường hoặc hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường trung học.

+ Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh: Số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế;

+ Khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính đảm bảo quy định;

+ Có trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo quy định;

Được quét bằng CamScanner

+ Có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ;

+ Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

+ Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Hoạt động giáo dục

+ Nhà trường tiến hành triển khai đến toàn thể giáo viên trong nhà trường từng bước điều chỉnh phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

+ Đổi mới hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học gắn với sản xuất kinh doanh ... Các giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của nhà trường.

+ Đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh: Đánh giá học sinh thường xuyên và đánh giá định kỳ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; việc nhận xét, đánh giá thường xuyên có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua các sản phẩm học tập của học sinh.

+ Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS), có số liệu học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm không vào THPT và bổ túc THPT; các biện pháp hướng nghiệp, phân luồng đã triển khai thực hiện và hiệu quả.

+ Về dạy học ngoại ngữ: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành hệ 7 năm theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT.

+ Về giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục thể chất: Nhà trường thường xuyên mở các chuyên đề về giáo dục đạo đức học sinh, lồng ghép giáo dục đạo đức và rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục thông qua các tiết dạy, giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo...

1.1.2. Thách thức, khó khăn

- Nhà trường còn thiếu 02 giáo viên, 01 TPT, 02 nhân viên so với biên chế được giao, hơn nữa cơ cấu thừa thiếu giáo viên cục bộ giữa các bộ môn nên trong

Được quét bằng CamScanner

công tác phân công và tổ chức các hoạt động giáo dục còn gặp những khó khăn nhất định.

- Diện tích sân chơi, bãi tập của nhà trường chưa được xây dựng hoàn thành nên làm ảnh hưởng đến sự vui chơi và công tác giáo dục thể chất và sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh.

- Phòng học, các phòng chức năng và phòng bộ môn đang xuống cấp nên chưa đáp ứng tốt yêu cầu dạy học của nhà trường.

- Do tuyển sinh đại trà mang tính PCGD nên chất lượng đầu vào của học sinh rất thấp.

- Một số GVBM chưa chú trọng nhiều đến giáo dục đạo đức học sinh; tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao so với chỉ tiêu đề ra; vẫn còn học sinh vi phạm nội quy của nhà trường.

1.2. Các yếu tố bên ngoài

1.2.1. Thời cơ, thuận lợi

- Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể địa phương. Sự cộng tác nhiệt tình của Ban đại diện CMHS trường trong công tác vận động hỗ trợ công tác giáo dục của nhà trường.

- Nhà trường đã triển khai và quán triệt tốt các Công văn như Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH, ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT; vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học; ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau.

1.2.2. Thách thức, khó khăn

- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn rất khó khăn, chưa quan tâm nhiều đến việc học hành của con em; tỉ lệ gia đình tan vỡ hôn nhân khá cao.

- Còn nhiều bất cập trong tự chủ về nhân sự, vai trò của hội đồng trường chưa thực sự được phát huy.

- Hạn chế về năng lực chuyên môn của các cấp quản lý các cơ sở giáo dục.

Được quét bằng CamScanner

1.3. Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài đến việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

Những khó khăn, thách thức nhà trường gặp phải khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới:

1.3.1. Về cơ chế phân cấp quản lý: các nhà trường có đảm bảo được giao quyền tự chủ về xây dựng chương trình giáo dục riêng cho nhà trường của mình hay không? Trong khi trường muốn xây dựng kế hoạch phải chờ Phòng, Sở, Sở lại chờ Bộ. Theo khoa học quản lý việc xây dựng kế hoạch đối với một ngành là phải xây dựng từ cơ sở đi lên. Trường học phải tự xây dựng kế hoạch trước theo các chức năng, nhiệm vụ được giao. Các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên chỉ giám sát quá trình và tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết khó khăn, hỗ trợ các nhà trường. Chúng ta đang làm ngược với quy luật mà khoa học quản lý đã tổng kết.

1.3.2. Về đội ngũ: Chương trình giáo dục phổ thông mới muốn thực hiện được thì phải có con người, phải có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đúng chuẩn và được tập huấn, bồi dưỡng đáp ứng bộ tiêu chuẩn giáo viên các cấp, chuẩn hiệu trưởng các cấp. Vì khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới trao quyền xây dựng chương trình giáo dục bộ môn, chương trình giáo dục chung của mỗi nhà trường cho Hiệu trưởng và giáo viên từng trường.

1.3.3. Bệnh thành tích: Một trong những cản trở của công tác quản lý giáo dục ảnh hưởng đến kết quả thực hiện yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới đó là tình trạng bệnh thành tích, bệnh mất dân chủ còn đè nặng lên đội ngũ nhà giáo, học sinh mỗi trường. Trong một năm học, thầy trò mỗi nhà trường phải đối phó với rất nhiều cuộc thi. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo và hạn chế những cuộc thi không cần thiết. Tuy vậy, phép vua vẫn thua lệ làng, nhiều cuộc thi của các đoàn thể, … hằng năm vẫn dồn dập vào các nhà trường một cách hình thức, hành chính, lúc nào cũng phải đảm bảo 100%.

1.3.4. Cơ sở vật chất: Khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới thì cơ sở vật chất cũng là một trong những thách thức lớn đối với các nhà trường như thiếu phòng học, phòng bộ môn, thiếu các trang thiết bị…

Được quét bằng CamScanner

1.4. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

1.4.1. Định hướng thực hiện chương trình dạy học

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (không thực hiện dạy học môn tự chọn). Công văn số: 4555/BGDĐT-GDPT, ngày 05/8/2025, của Bộ GD-ĐT về hướng dẫn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; công văn số: 4567/BGDĐT-GDPT, ngày 05/8/2025, của Bộ GD-ĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với GD mầm non, GD phổ thông và GD thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hải Phòng; Công văn số 5775/SGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2025 của Sở GD và ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GD Trung học năm học 2025-2026. Nhà trường tổ chức dạy học 10~11 buổi/tuần.

1.4.2. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cấp trường và công tác chủ nhiệm lớp

- Toàn trường: Mỗi tháng thực hiện:

+ 01 tiết chào cờ vào sáng thứ hai tuần đầu tiên của tháng

+ 01 tiết Sinh hoạt dưới cờ (Hoạt động tập thể) vào sáng thứ hai tuần thứ ba của tháng

+ 02 tiết sinh hoạt lớp đầu tuần vào sáng thứ 2 của tuần thứ ba và tuần thứ tư của tháng.

- Các chủ đề sinh hoạt dưới cờ:

Tháng 9/2025: Chủ đề: *Trường học của em.* Hình thức tổ chức: Tổ chức ngày hội vệ sinh học đường,

Tháng 10/2025: Chủ đề: *Em đang trưởng thành.* Hình thức tổ chức: Sân khấu hóa

Tháng 11/2025: Chủ đề: *Thầy cô – người bạn đồng hành.* Hình thức tổ chức: Tổ chức thi tìm hiểu về truyền thống nhà trường.

Tháng 12/2025: Chủ đề: *Nối tiếp truyền thống quê hương.* Hình thức tổ chức: Học sinh tìm hiểu về di tích lịch sử, văn hóa, làng nghề của địa phương.

Được quét bằng CamScanner

Tháng 01/2026: Chủ đề: *Nét đẹp mùa xuân - Vẻ đẹp đất nước*. Hình thức tổ chức: Học sinh tham gia đi tham quan học tập trải nghiệm

Tháng 02/2026: Chủ đề: Tập làm chủ gia đình. Hình thức tổ chức: Thi tìm hiểu + tọa đàm.

Tháng 3/2026: Chủ đề: *Cuộc sống quanh ta.* Hình thức tổ chức: Thi tìm hiểu.

Tháng 4/2026*: Con đường tương lai; hướng nghiệp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.* Hình thức tổ chức: Học sinh được nghe nói chuyện, tư vấn.

Tháng 5/2026: Chủ đề: *Chào mùa hè.* Hình thức tổ chức: Liên hoan văn nghệ + biểu diễn dân vũ.

- Tổ chức dạy học trải nghiệm theo 4 nội dung hoạt động và thời lượng thực hiện theo quy định trong chương trình (Hoạt động hướng vào bản thân - 40%, Hoạt động hướng đến xã hội - 25%, Hoạt động hướng tới tự nhiên -15%, Hoạt động hướng nghiệp - 20%).

- Lựa chọn loại hình hoạt động linh hoạt và phù hợp với nội dung hoạt động:

+ Sinh hoạt dưới cờ;

+ Sinh hoạt lớp;

+ Học tập theo chủ đề.

1.4.3. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương

+ Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương theo chủ đề 1 tiết/tuần.

+ Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

- Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, xã hội, môi trường của địa phương.

- Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của Thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (cũ) biên soạn.

2. Mục tiêu giáo dục

2.1. Mục tiêu chung

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm), 10 năng lực cốt lõi (năng lực tự chủ tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực tìm hiểu tự nhiên xã hội; năng

Được quét bằng CamScanner

lực công nghệ; năng lực thẩm mỹ; năng lực thể chất; năng lực tin học; năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ) theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Thực hiện Kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2020 - 2026 tầm nhìn đến năm 2030, duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; từng bước cải thiện môi trường giáo dục, tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỉ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Nâng cao hiệu quả để đến 2026 trở thành đơn vị có phong trào giáo dục tốp đầu của xã Vĩnh Hải.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Hoạt động giáo dục

- Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

- Đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Nội dung đổi mới được xác định cụ thể trong kế hoạch hoạt động chuyên môn của từng từng tổ chuyên môn.

- Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương.

- Thực hiện hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục.

- Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD-ĐT.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh.

- Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục STEM thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

- Học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường.

2.2.2. Chỉ tiêu về kết quả giáo dục

- *Chỉ tiêu phấn đấu về chất lượng học lực: Giỏi & Khá trên 70%;* Xét tốt nghiệp THCS đạt 100%; chất lượng điểm thi vào 10 đứng trong tốp 1 trường dẫn đầu toàn xã, đứng ở vị trí 80 của Thành phố

- Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 1% học sinh lưu ban.

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh: Đạt tỷ lệ trên 90% loại Tốt, Khá.

Được quét bằng CamScanner

2.2.3. Một số chỉ tiêu về công tác chuyên môn

a) Chuyên đề: 03 chuyên đề/tổ/HK.

b) Kiểm tra nội bộ: 100% GV/tổ/năm (Có kế hoạch kiểm tra riêng).

c) Áp dụng dự giờ đột xuất với tất cả giáo viên: 02 tiết/HK (100% số tiết).

d) Kiểm tra hồ sơ sổ sách:

- *Hiệu trưởng*: Kiểm tra hồ sơ sổ sách của các bộ phận, đoàn thể theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- *P. Hiệu trưởng*: Kiểm tra hồ sơ sổ sách của các tổ trưởng và giáo viên theo định kỳ 02 lần/HK.

- *Tổ trưởng:* Kiểm tra hồ sơ sổ sách, giáo án của giáo viên theo định kỳ 02 đến 03 lần/HK.

3. Nội dung chương trình giáo dục của nhà trường

3.1. Hoạt động chương trình chính khóa

(Theo chương trình nhà trường đã ban hành tháng 9 năm 2025).

3.2. Các hoạt hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức tìm hiểu về lịch sử truyền thống của quê hương, đất nước, ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cô, cha mẹ.

- Các chương trình trải nghiệm, nói chuyện chuyên đề, giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại nơi có ý nghĩa như khu di tích Văn miếu Mao Điền, đền thờ Danh nhân văn hóa Chu Văn An, Bảo tàng Quân đội, đền chùa tại địa phương, một số địa chỉ đỏ tại địa phương..., giao lưu với đơn vị trường khác…)

- Cho học sinh trải nghiệm về vệ sinh môi trường, phòng chống đuối nước, PCCC, sử dụng nhà vệ sinh đúng cách, tham gia các cuộc thi ATGT, PC ma túy...

3.3. Câu lạc bộ:

- Câu lạc bộ Tiếng Anh:

+ Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt câu lạc bộ 01 lần.

+ Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn tiếng Anh tham mưu.

- Câu lạc bộ thể thao:

+ Tổ chức câu lạc bộ bơi, bóng đá, vật tự do, cầu lông… (giao hữu).

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ 5 và thứ 7 hàng tuần.

Được quét bằng CamScanner

3.4. Phân phối chương trình

3.4.1. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 6 - HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																			
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
	Vật lý	4	4	4	4	4	4	4	4											**32**
	Sinh học											1	4	4	4	4	4	4	4	**29**
	Hóa học									4	4	3								**11**
6	L.sử và Đ.lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	**27**
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	**27**
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
9	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																			
11	HĐTN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	CC+SHDC +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**

Được quét bằng CamScanner

	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																			
12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
IV	**Chương trình ôn tập:**																			
1	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
2	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
3	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)											2	1	1	1		3	2		**10**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	**540**

Được quét bằng CamScanner

3.4.2. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 7 - HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																			
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
	Vật lý										3	4	4	4	4	4	4	4	4	35
	Sinh học																			
	Hóa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1									**37**
6	L.sử và Đ.lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	**27**
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	**27**
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
9	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																			
11	HĐTN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	CC+SHDC +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																			
12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**

Được quét bằng CamScanner

IV	**Chương trình tăng cường/mở rộng:**																			
1	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
2	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
3	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)											2						2	3	**7**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	**540**

Được quét bằng CamScanner

3.4.3. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 8 - HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																			
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
	Vật lý										3	4	4	4	4	4	4	4	4	**35**
	Sinh học																			
	Hóa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1									**37**
6	L.sử và Đ.lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	**27**
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	**27**
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
9	Công nghệ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																			
11	HĐTN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	CC+SHTT +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																			

Được quét bằng CamScanner

12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
IV	**Chương trình tăng cường/mở rộng:**																		
1	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
2	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
3	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)						1						2	2		2	2	7		**16**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	**558**

Được quét bằng CamScanner

3.4.4. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 9 - HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																			
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
	Vật lý												1	4	4	4	4	4	4	**25**
	Sinh học																			
	Hóa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3							**47**
6	L.sử và Đ.lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	**27**
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	**27**
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
9	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																			
11	HĐTN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
	CC+SHTT +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																			
12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**

Được quét bằng CamScanner

IV	Chương trình tăng cường/mở rộng:																			
1	Ôn tập cuối cấp	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
2	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
3	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
4	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)															1	1		1	**3**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	**540**

Được quét bằng CamScanner

3.4.5. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 6 - HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																		
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
	Vật lý								4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**40**
	Sinh học	4	4	4	4	4	4	4											**28**
	Hóa học																		
6	Lịch sử và Địa lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	26
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	25
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
9	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																		
11	HĐ TN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	CC+SHTT +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																		
12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**

Được quét bằng CamScanner

IV.	**Chương trình tăng cường/mở rộng:**																		
1	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			**30**
2	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			**30**
3	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)		1	1			2	1						1	1		1	4	**12**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	**510**

Được quét bằng CamScanner

3.4.6. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 7 - HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																		
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
	Vật lý	4	4																**8**
	Sinh học			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**60**
	Hóa học																		
6	Lịch sử và Địa lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	26
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	25
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
9	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																		
11	HĐ TN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	CC+SHTT +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																		

Được quét bằng CamScanner

12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
IV.	**Chương trình tăng cường/mở rộng:**																		
1	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			**30**
2	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			**30**
3	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)		3									1	3	3	1		2		**13**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	**510**

Được quét bằng CamScanner

3.4.7. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 8 - HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																		
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
	Vật lý	4	4																**8**
	Sinh học			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**60**
	Hóa học																		
6	Lịch sử và Địa lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	26
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	25
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
9	Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																		
11	HĐ TN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	CC+SHTT +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																		
12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**

Được quét bằng CamScanner

IV.	**Chương trình tăng cường/mở rộng:**																		
1	Bồi dưỡng HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			**30**
2	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			**30**
3	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)			1	2													4	7
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	**510**

Được quét bằng CamScanner

3.4.8. BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH KHỐI 9 - HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025-2026

TT	MÔN/ TUẦN	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/ môn
I	**Môn học bắt buộc**																		
1	Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
2	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
3	Ngoại ngữ	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
4	GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
5	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
	Vật lý	4	4	4	4	1													**17**
	Sinh học					3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**49**
	Hóa học																		
6	Lịch sử và Địa lí	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	26
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	25
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
8	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
9	Công nghệ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
10	Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
II	**Hoạt động giáo dục bắt buộc**																		
11	HĐ TN, HN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
	CC+SHTT +SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	Tổng	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**68**
III	**Nội dung Giáo dục địa phương**																		
12	GDĐP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**

Được quét bằng CamScanner

IV.	**Chương trình tăng cường/mở rộng:**																		
1	Ôn tập cuối cấp	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
2	BD HSG	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
3	BD HS yếu kém	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
4	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)							1	2							1			**4**
	Tổng số tiết bắt buộc/tuần	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	**527**

Được quét bằng CamScanner

3.4.9. CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, SHTT

Thời gian	Chủ đề	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện (ngày)	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Số tiết thực hiện
Tháng 09	Trường học của em	- Tìm hiểu về truyền thống nhà trường	Tổ chức thi tìm hiểu về truyền thống nhà trường.	15/9	BGH,TPT	GVCN, GV GDCD	2 Tiết
Tháng 10	Em đang trưởng thành	- Kể chuyện về gia đình - Kể chuyện về bản thân	Sân khấu hóa, đóng tiểu phẩm; thuyết trình, hùng biện	13/10	BGH TPT GVCN	GVCN, GV GDCD	2 Tiết
Tháng 11	Thầy cô – người bạn đồng hành	Thể hiện tình cảm gắn bó với mái trường, yêu thương và kính trọng thầy cô	Văn nghệ mừng ngày 20/11.	17/11	BGH, TPT	GV và HS	3 Tiết
Tháng 12	Nối tiếp truyền thống quê hương	- Tìm hiểu về truyền thống Q đội nhân dân VN và lịch sử dân tộc.	Giao lưu, ghe nói chuyện về ngày	15/12	BGH TPT GVCN	BGH TPT GVCN	4 tiết
Tháng 01	Nét đẹp mùa xuân. Vẻ đẹp đất nước	- Hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, của mùa xuân. - Tìm hiểu về đất nước	- Văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân - Tổ chức trải nghiệm.	12/01	BGH TPT GVCN	BGH TPT GVCN	4 Tiết
Tháng 02	Tập làm chủ gia đình	- Văn hoá ứng xử trong gia đình - Văn nghệ chủ đề gia đình	Thi tìm hiểu + tọa đàm; biểu diễn văn nghệ	09/2	BGH TPT GVCN	BGH TPT GVCN	2 tiết

Được quét bằng CamScanner

Tháng 03	Cuộc sống quanh ta	- Phát động tháng hành động về trái đất xanh. - Tuyên truyền về giảm thiểu biến đổi khí hậu.	Học sinh được nghe nói chuyện; thi tìm hiểu.	16/3	BGH TPT GVCN	BGH TPT GVCN	4 tiết
Tháng 04	Con đường tương lai	- Giá trị của các nghề trong xã hội - Giao lưu với người làm nghề truyền thống	Học sinh được nghe nói chuyện, tư vấn.	13/4	BGH TPT GVCN	GV và NV	2 tiết
Tháng 05	Chào mùa hè	- Giới thiệu về câu lạc bộ mùa hè. - Diễn đàn Mùa hè đội viên	Tọa đàm; Liên hoan văn nghệ + biểu diễn dân vũ	18/5	BGH TPT GVCN K9	BGH, Đoàn TN, GV, HS K9	2 tiết
Tổng số tiết							**25 tiết**

Được quét bằng CamScanner

3.4.10. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH KHÓA

TT	Môn học	Số tiết lớp 6			Số tiết lớp 7			Số tiết lớp 8			Số tiết lớp 9		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học bắt buộc													
1	Ngữ văn	140	- LL: 71 - CĐ: 0 - TN:1	- LL: 67 - CĐ: 0 - TN: 1	140	- LL: 71 - CĐ: 0 - TN: 1	- LL: 67 - CĐ: 0 - TN: 1	140	- LL: 70 - CĐ: 0 - TN:2	- LL: 66 - CĐ: 0 - TN: 2	140	- LL: 71 - CĐ:0 - TN:1	- LL: 67 - CĐ: 0 - TN: 1
2	Toán	140	- LL: 67 - ST: 5 - TN: 0	- LL: 61 - ST: 7 - TN: 0	140	- LL: 67 - ST: 5 - TN: 0	- LL: 64 - ST: 4 - TN: 0	140	- LL: 66 - TS: 6 - TN: 0	- LL: 64 - ST: 4 - TN:0	140	- LL: 72 - ST: 0 - TN: 0	- LL: 67 - ST: 1 - TN: 0
3	Ngoại ngữ 1	105	- LL: 53 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 50 - CĐ: 1 - TN: 0	105	- LL: 53 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 50 - CĐ: 1 - TN: 0	105	- LL: 53 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 50 - CĐ: 1 - TN: 0	105	- LL: 53 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 50 - CĐ: 1 - TN: 0
4	Giáo dục công dân	35	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 1	- LL: 15 - CĐ: 0 - TN: 2	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 17 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 16 - CĐ:1 - TN: 0	35	- LL: 17 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 16 - CĐ:1 - TN: 0
5	Lịch sử và Địa lí	105	- LL: 53 - CĐ: 0 - TN:1	- LL: 50 - CĐ: 0 - TN: 1	105	- LL: 52 - CĐ: 2 - TN:0	- LL: 49 - CĐ: 2 - TN: 0	105	- LL: 52 - CĐ: 2 - TN: 0	- LL: 49 - CĐ: 2 - TN: 0	105	- LL: 54 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 48 - CĐ: 0 - TN: 3
6	Khoa học tự nhiên	140	- LL: 70 - CĐ: 0 - ST: 2	- LL: 65 - TN: 0 - ST: 3	140	- LL: 72 - TN: 0 - ST: 0	- LL: 62 - TN: 0 - ST: 6	140	- LL:70 - TN: 0 - ST: 2	- LL: 68 - TN: 0 - ST: 0	140	- LL:72 - TN: 0 - ST: 0	- LL: 65 - TN: 0 - CĐ: 3
7	Công nghệ	35	- LL: 16 - CĐ: 0 - ST: 2	- LL: 15 - CĐ: 0 - ST: 2	35	- LL: 16 - CĐ: 0 - ST: 2	- LL: 17 - CĐ: 0 - ST: 0	52	- LL: 18 - CĐ: 0 - ST: 0	- LL:32 - CĐ: 0 - ST: 2	54	- LL: 35 - CĐ: 1 - ST: 0	- LL:17 - CĐ: 0 - ST: 0
8	Giáo dục thể chất	70	- LL: 36 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 34 - CĐ:0 - TN: 0	70	- LL: 36 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 34 - CĐ:0 - TN: 0	70	- LL: 36 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 34 - CĐ:0 - TN: 0	70	- LL: 36 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 34 - CĐ:0 - TN: 0
9	Âm nhạc	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 1	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 1	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 1	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0
	Mĩ thuật	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 15 - CĐ: 0 - TN: 2	35	- LL: 16 - CĐ: 0 - TN:2	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 16 - CĐ: 0 - TN:2	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 16 - CĐ: 0 - TN:2	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0
10	Tin học	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - ST: 0	- LL: 15 - CĐ: 0 - TN: 2	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - ST: 0	- LL: 15 - CĐ: 0 - TN: 2	35	- LL: 17 - CĐ: 0 - ST: 1	- LL: 17 - CĐ: 0 - ST: 0	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - ST: 0	- LL: 15 - CĐ: 0 - ST: 2
Hoạt động giáo dục bắt buộc													

Được quét bằng CamScanner

11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	- LL: 54 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 51 - CĐ: 0 - TN: 0	105	- LL: 51 - CĐ: 3 - TN: 0	- LL: 49 - CĐ: 2 - TN: 0	105	- LL: 52 - CĐ: 2 - TN: 0	- LL: 49 - CĐ: 2 - TN: 0	105	- LL: 53 - CĐ: 1 - TN: 0	- LL: 50 - CĐ: 1 - TN: 0
Nội dung giáo dục của địa phương													
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL:16 - CĐ:2 - TN: 0	- LL: 17 - CĐ:0 - TN: 0	35	- LL: 18 - CĐ: 0 - TN: 0	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0	35	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 1	- LL: 17 - CĐ: 0 - TN: 0
Chương trình tăng cường/mở rộng													
15	Ôn tập cuối cấp (đối với lớp 9)		- LL: - CĐ: - TN:	- LL: - CĐ: - TN:		- LL: - CĐ: - TN:	- LL: - CĐ: - TN:		- LL: - CĐ: - TN:	- LL: - CĐ: - TN:	70	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 34 - TN:
16	Bồi dưỡng HSG	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:
17	BD HS yếu kém	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:	66	- LL: - CĐ: 36 - TN:	- LL: - CĐ: 30 - TN:
	Chủ đề Giáodục STEM (Các môn KHTN)	19	7	12	20	7	13	8	11	7	7	3	4
Tổng số tiết học/năm học		1.050	540	510	1.050	540	510	1067	558	510	1068	540	527
Số tiết học trung bình/tuần		30	30	30	30	30	30	30,5	31	30	30,5	30	31

Ghi chú: LL: Số tiết lên lớp; CĐ: Số tiết dạy học theo chủ đề; TN: Số tiết dạy học trải nghiệm; ST: Số tiết dạy theo Chủ đề Stem

Được quét bằng CamScanner

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Về thời gian biểu các buổi học trong năm

4.1.1. TGB buổi sáng

Thời gian		Hoạt động
6h45-7h00	*15 phút*	*Sinh hoạt đầu giờ*
7h00-7h45	45 phút	Tiết 1
7h50-8h35	45 phút	Tiết 2
8h35-8h45	*10 phút*	*Giải lao*
8h45-9h30	45 phút	Tiết 3
9h35-10h20	45 phút	Tiết 4
10h25-11h10	45 phút	Tiết 5

4.1.2. TGB buổi chiều

Thời gian		Hoạt động
13h40' - 14h25'	45 phút	Tiết 1
14h30' - 15h15'	45 phút	Tiết 2
Giải lao chính		
15h25' - 16h10'	45 phút	Tiết 3 (nếu có)

4.1.3. Lịch làm việc các buổi trong tuần

CA	HAI	BA	TƯ	NĂM	SÁU	BẢY
SÁNG (7h)	**5T CK**	**5T CK**	**5T CK**	**5T CK**	**4T CK** *(1 Trải nghiệm)*	***(Họp HĐ hoặc SHCM)***
CHIỀU (13h40)	**3T CK** *(1 Trải nghiệm)*	KNS-Stem K6,7,8 …	KNS-Stem K6,7,8…	KNS-Stem K6,7,8…	**2T CK**	**NGHỈ**
		Ôn tập TVA 9 (2T QĐ)	Ôn tập TVA 9 (2T QĐ)	Ôn tập TVA 9 (2T QĐ)	**(2T HSG K9)**	

Được quét bằng CamScanner

4.2. Lịch chỉ đạo chính trong năm học 2025-2026

4.2.1. Học kỳ I (05/9/2025-17/01/2026)

Thời gian	Nội dung công việc chính	Bộ phận thực hiện chính
Những việc cần hoàn thành trong tháng 8/2025: Họp chi bộ ban hành NQ định hướng thực hiện nhiệm vụ năm học; Tu sửa CSVC đầu năm; Họp phân công chuyên môn; BDCM sử dụng AI trong giảng dạy; Chuyên đề CM; Triển khai thực hiện công tác pháp chế cho CBGVNV tìm hiểu về luật liên quan đến công tác GD, chế độ NLĐ…		
Tháng 9/2025	- Tuyên truyền công tác ATGT, xây dựng cổng trường ATGT, phòng chống cháy nổ, phòng chống ma túy, vệ sinh học đường, các loại dịch bệnh… - Tựu trường *25-29/8/2025.* **- KG năm học mới 05/9/2025.** **- Thực học HK1 từ: 08/9/2025.** **- Ban hành 5 loại Kế hoạch cơ bản: Kế hoạch GDNT; Kế hoạch dạy học các môn học (PPCT) của tổ CM; Kế hoạch tổ chức các hoạt động của tổ CM; Kế hoạch giáo dục của GV; Kế hoạch bài dạy của GV (GA) năm học 2025-2026.** **- Tổ chức họp CMHS đầu năm học.** - Làm công tác thi đua đầu năm học. - Hội nghị đầu năm học; ĐH C.Đội, L.Đội. - Kiểm tra hồ sơ sổ sách đầu năm. - Điều tra, cập nhật, hoàn thiện hồ sơ PCGD - Triển khai SD Áp Onluyen (Lớp 9A tất cả các môn, các lớp còn lại 3 môn Toán Văn Anh); triển khai học KNS - Stem...	BGH CBGV
Tháng 10/2025	- Tổ chức chuyên đề "Vui Tết Trung thu" cho HS toàn trường 06/10/2025 và làm công tác từ thiện. - SHCM; Lập kế hoạch thi GVDG cấp TP. - Tiếp tục bồi dưỡng HSG theo kế hoạch. - Thi đua "Dạy tốt - Học tốt" kỉ niệm Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. **- Tổ chức cho HS đi trải nghiệm (CT 2018).** - Tổ chức các hoạt động TDTT cho CBGV.	BGH CBGV
Tháng 11/2025	- Tuyên truyền về truyền thống tôn sư trọng đạo, xây dựng bồi đắp tình yêu nghề mến trẻ, thực hiện các cuộc vận động như cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; "Mỗi thầy cô là một tấm gương tự học và sáng tạo"… - Tổ chức phong trào thi đua "Dạy tốt - học tốt" chào mừng ngày Nhà giáo VN 20/11. - SHCM; KT hồ sơ sổ sách của GV. - Tổ chức các hoạt động TDTT cho CBGV.	BGH CBGV

Được quét bằng CamScanner

Tháng 12/2025	- Tuyên truyền về truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12): GVCN bố trí tiết HĐNGLL mở ti vi lớp cho HS xem phim: K6: Phim về Bác Hồ: "HẸN GẶP LẠI SÀI GÒN". K7: Phim chống Pháp về trận đánh ĐBP: "CỜ CHUẨN". K8: Phim về chiến tranh chống Mỹ: Phim: "ĐỊA ĐẠO MẶT TRỜI TRONG BÓNG TỐI", "MƯA ĐỎ"; K9: Phim về chiến tranh biên giới chống quân TQ: "ĐẤT MẸ". - Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy chế chuyên môn của giáo viên. - Lập kế hoạch đưa đội tuyển HSG thi cụm 2. - Thi đua Dạy tốt - Học tốt chào mừng ngày thành lập QĐND VN và ngày QPTD. - Tổ chức ôn tập cuối HK I. - Liên Đội viếng NTLS (xã). **- Phân loại TCCSĐ cuối năm 2025.** - Tổ chức các hoạt động TDTT cho CBGV.	BGH CBGV
Tháng 01/2026 ***(2 tuần đầu)***	- Tổ chức KT cuối HK I. - Hoàn thành và nộp các biểu mẫu báo cáo. **- Kết thúc học kỳ I ngày 17/01/2026.**	BGH CBGV

4.2.2. Học kỳ II (19/01/2026-30/5/2026)

Thời gian	Nội dung công việc cụ thể	Bộ phận thực hiện chính
Tháng 01/2026 ***(2 tuần cuối)***	**- Sơ kết học kỳ I.** - Ổn định tình hình dạy và học đầu học kỳ II. ***- Bắt đầu học kỳ II ngày 19/01/2026.*** **- Họp CMHS các lớp cuối HK1.** - SHCM. **- Tăng cường BD HSG và tham gia cuộc Thi HSG cấp TP (12/01/2026).**	BGH CBGV
Tháng 02/2026	- Tuyên truyền về truyền thống, phong tục quê hương đất nước. Làm công tác từ thiện. - Thi đua Dạy tốt - Học tốt "Mừng Đảng Mừng Xuân - Mừng đất nước đổi mới". ***- Nghỉ Tết NĐ Bính Ngọ (14-22/02/2026);*** - SHCM.	BGH CBGV
Tháng 3/2026	- Tổ chức chuyên đề "Tiến bước lên Đoàn", tuyên truyền về truyền thống của Đoàn TNCS HCM (26/3). - Thi đua "Dạy tốt - Học tốt" nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCS HCM. - Kiểm tra hồ sơ sổ sách của GV; Dự giờ ở các tổ khối. **- Thi HSG cấp TP một số môn còn lại.** **- Thi GVDG cấp TP (16~21/3/2026).** - Tổ chức các hoạt động TDTT cho CBGV.	BGH CBGV

Được quét bằng CamScanner

Tháng 4/2026	- Tuyên truyền về truyền thống dân tộc nhân dịp kỉ niệm Ngày thống nhất đất nước (30/4). - Kiểm tra hồ sơ sổ sách của GV - Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các quy chế chuyên môn của giáo viên. **- Lập kế hoạch ôn tập và KT học kỳ II.** - SHCM.	BGH CBGV
Tháng 5/2026	- Tuyên truyền về tấm gương đạo đức phong cách HCM nhân dịp kỉ niệm Ngày sinh nhật Bác. - Hoàn thành CT; Chỉ đạo các bộ phận rà soát lại hồ sơ, chuẩn bị cho công tác xét công nhận TN THCS. **- Xét Tốt nghiệp THCS.** - Hoàn thành và nộp các biểu mẫu báo cáo. **- Họp PHHS cuối năm học.** - Bế giảng tổng kết năm học 30/5/2026. - Tham gia Liên hoan CNBH (xã). - Tổ chức các hoạt động TDTT cho CBGV. - Ôn tập cho HS K9 thi vào 10. - Thực hiện công tác kiểm định CLGD. - Đánh giá VC cuối năm học. - Kiểm kê tài sản cuối năm học. - Triển khai KH hoạt động hè 2026. **- Kết thúc năm học ngày 30/5/2026.**	BGH CBGV

4.3. Về biện pháp thực hiện

4.3.1. Phân công các đầu mối chỉ đạo thực hiện

- Hiệu trưởng phụ trách chung.

- Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn, nề nếp, VSLĐ …

- TPT phụ trách công tác Đội.

- Lãnh đạo tổ chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Giáo viên nắm vững chấp hành tốt các chủ trương, pháp luật của nhà nước, của ngành, nội qui, KH của nhà trường đề ra.

4.3.2. Biện pháp

- Viên chức giáo viên cần quán triệt tốt chủ trương, pháp luật của nhà nước, của ngành, nội qui, KH của nhà trường đề ra.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; đẩy mạnh các cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm

Được quét bằng CamScanner

gương đạo đức, tự học và sáng tạo"; "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"; "Dân chủ, Kỷ cương, Tình thương, Trách nhiệm"...

- Từng bộ phận tích cực tổ chức các hoạt động, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của bộ phận mình. Kịp thời uốn nắn những biểu hiện tiêu cực, lệch lạc đồng thời nhân rộng các cá nhân làm tốt.

- Tăng cường tổ chức BHMH, mở chuyên đề, dự giờ thăm lớp, tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy; tìm được nguyên nhân chưa đạt yêu cầu của các tiết dạy để có kế hoạch giúp đỡ, bồi dưỡng về chuyên môn.

- Thông tin hai chiều kịp thời, báo cáo các mặt hoạt động của các cá nhân, bộ phận mình chính xác, đúng thời gian quy định về lãnh đạo nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế làm việc ở cơ quan, xây dựng trường đạt chuẩn đơn vị văn hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công tác xã hội hoá giáo dục cả về chiều rộng lẫn chiều sâu nhằm phát huy các nguồn lực xã hội, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

- Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Vĩnh Hải để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

Đề nghị các bộ phận, tổ, khối, đoàn thể và toàn thể VC-CNV trong nhà trường theo dõi và lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo chức trách và nhiệm vụ được phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của THCS Đồng Minh; Trong quá trình thực hiện có thể có sự điều chỉnh nhỏ tùy tình hình thực tiễn và sự chỉ đạo của cấp trên (mọi khó khăn vướng mắc xin liên hệ với BGH theo SĐT: 0988415798 - HT; 0972070518 - PHT)./.

Nơi nhận:
- UBND xã VH; Phòng VH xã VH (BC);
- Các Bộ Phận trong trường (TH);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

UBND XÃ VĨNH HẢI T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỒNG MINH

Phạm Xuân Hưng

Được quét bằng CamScanner

UBND XÃ VĨNH HẢI
TRƯỜNG THCS ĐỒNG MINH
***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN NHÂN VIÊN
NĂM HỌC 2025-2026

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SĐT (Zalo)	GHI CHÚ
1	Phạm Xuân Hưng	Hiệu trưởng, BTCB	0988415798	BC
2	Đặng Thu Hằng	Phó Hiệu trưởng, P.BTCB	0972070518	BC
3	Đào Thị Hoa	Tổ trưởng tổ KHTN, KT	0826434457	BC
4	Vũ Thị Thu Lý	Tổ trưởng tổ KHXH	0763402514	BC
5	Nguyễn Thị Huệ	Tổ phó tổ KHXH	0988779121	BC
6	Vũ Thị Giang	Tổ phó tổ KHTN	0787327768	BC
7	Vũ Thị Minh Tâm	Tổng phụ trách (GV KHXH)	0393677127	BC
8	Lương Thị Di	Chi ủy viên (GVKHTN)	0983224100	BC
9	Bùi Thị Huệ	Thủ quỹ (GVKHXH)	0888116779	BC
10	Lê Thị Thương	Thư ký hội đồng (GVKHTN)	0934373847	BC
11	Hoàng Thị Hằng Nga	GV tin (KHTN)	0868929486	BC
12	Đinh Thị Huế	GV (KHTN)	0947749851	BC
13	Phạm Thị Hạnh	GV (KHTN)	0366862862	BC
14	Trần Thị Thu Thủy	GV (KHTN)	0375076731	BC
15	Trịnh Thị Thúy	GV (KHTN)	0974343005	BC
16	Phạm Thị Ngọc Điệp	GV (KHTN)	0904552024	BC
17	Nguyễn Hữu Tự	GV (KHXH)	0947794435	BC
18	Đặng Thị Lan	GV (KHXH)	0826429748	BC
19	Nguyễn Thị Thuận	GV (KHXH)	0326408197	BC
20	Bùi Quang Thái	GV (KHXH)	0906009575	BC
21	Đỗ Thị Kim Len	GV (KHXH)	0768279462	BC
22	Trần Thị Năng	GV (KHTN)	0372700538	BC
23	Phạm Thị An Phương	GV (KHXH)	0966246493	HĐ
24	Nguyễn Thị Thu	NV TBTN (Tổ trưởng tổ VP)	0816156885	BC
25	Đỗ Văn Kháng	NV BV	0868085931	HĐ

Vĩnh Hải, ngày 05 tháng 9 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỒNG MINH

Phạm Xuân Hưng

Nơi nhận:
- Phòng VHXH xã VH;
- Lưu VT.

Được quét bằng CamScanner